

PHẦN THỨ BA
VĂN HÓA XÃ HỘI

CHƯƠNG I

PHONG TỤC, TẬP QUÁN, LỄ HỘI

1. Phong tục – tập quán

Trong lao động sản xuất: người Phong Lệ cũng như người huyện Hòa Vang, xứ Quảng nói chung, buổi đầu tiên gánh theo tên đất tên làng vào phương Nam nắng gió khai cơ lập nghiệp mở rộng giang sơn, tinh thần thờ kính tổ tiên luôn được xem trọng. Theo đó, người Phong Lệ thờ cha mẹ, ông bà tổ tiên mình, hằng mong tổ tiên sẽ theo dõi và giúp đỡ cho con cháu phát triển được lâu dài trên vùng đất mới. Thế nên những ngày giỗ kỵ được duy trì trong mỗi hộ gia đình, phong tục tập quán về ngày chạp mả được đặt ra để trông coi mộ phần người thân đã vì sự phát triển của gia đình, dòng họ, và vì vùng đất Phong Lệ mà hy sinh trong quá trình xây dựng làng xóm mạnh giàu.

Mặt khác, tin rằng *đất có thổ công, sông có hà bá*, thế nên việc thờ cúng các vị thần người Việt trong tâm thức người Phong Lệ vẫn một mực tôn kính, cùng với thần người Chăm trong quá trình cộng cư đã làm nảy sinh mối quan hệ liên tưởng về một thế giới siêu nhiên tại vùng đất mới. Do đó người Phong Lệ không

chỉ thờ các vị thần người Việt mà còn thờ các vị thần người Chăm như là hình thức giao lưu tiếp biến văn hóa và đây cũng là phương cách hòa hoãn với cư dân bản địa để sinh tồn, chính mà đó hằng năm làng, xóm và mỗi gia đình đều có lệ cúng đất, hoặc khao thổ, hay tá thổ cũng cùng trong một ý nghĩa “thuê mượn” đất vườn để ở và khai thác làm ra của cải vật chất nuôi sống con người. Vậy nên, hằng năm có lệ cúng đất, tiếp tục duy trì việc “thuê mượn” trên mảnh đất mà trước đây đã có chủ nhân của nó. Tục cúng đất ở Phong Lệ thường tổ chức vào tháng ba âm lịch và không nhất thiết phải duy trì một ngày cố định mà tùy thuộc vào thực tiễn mỗi năm mà có lễ lệ là được.

Đồng thời với cúng đất hằng năm, người Phong Lệ còn cúng các vị thần đã hằng giúp đỡ người Phong Lệ tồn tại và phát triển. Không chỉ cúng Thần Nông là tổ nghề nông mà còn cúng các vị thần chường khác liên quan đến miền biển như thần Tứ vị Thánh nương nằm trong hệ thống các vị thiên thần và nhân thần được nhà nước truy tặng¹. Các vị thần chường đó được thờ vọng cúng kính mỗi khi làng có các sự việc: tế Thần Nông trong lễ rước Mực đồng; giỗ mười bảy chư phái tộc Tiên hiền làng Phong Lệ; cúng Âm linh cô hồn, các chiến sĩ trận vong trong sự nghiệp giữ đất ...đều có cáo vọng tại nơi thờ tự trang nghiêm và đủ lễ.

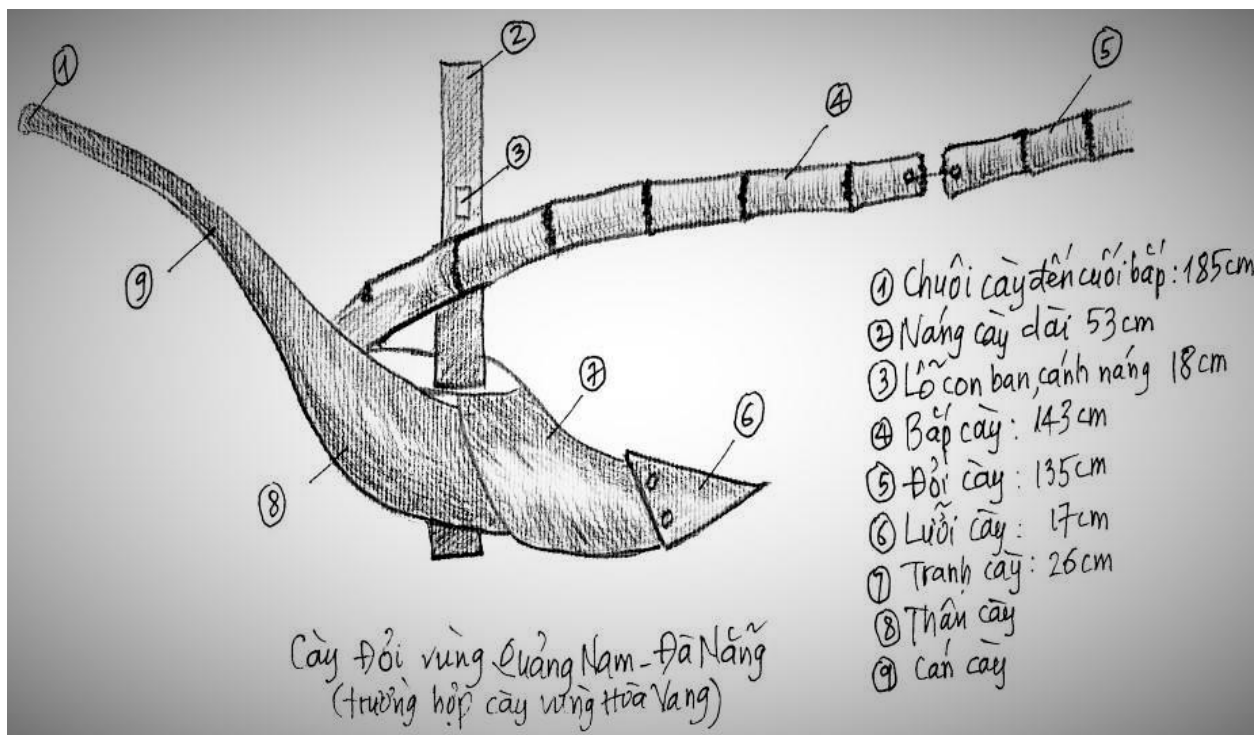
Trong mỗi gia đình đều giữ đúng lệ hằng năm theo mùa vụ mà tổ chức lao động sản xuất. Trong nông nghiệp, tuy là nghề chủ yếu theo quan niệm *nông vi bản* nhưng làng Phong Lệ rộng chạy dài từ vùng núi Phong Lệ đến tận vùng biển Ngũ Hành Sơn, thế nên thời ấy người dân trong làng có nhiều tục lệ đan xen. Một bộ phận sống bằng nghề sông biển, nhưng cũng chỉ làm ăn sinh sống trên dòng sông Cẩm Lệ, sông Yên mà chưa vươn ra biển khơi

¹ Hệ thống các vị thiên thần và nhân thần có sự giống nhau giữa làng Phong Lệ và các làng khác và trong vùng, sẽ trình bày ở phần đình, chùa, miếu và các nghi lễ..

đánh bắt. Người Đông Bàu ra cửa sông xa lắm cũng mới chỉ đến *tận gành*, ngoài Hàn rồi lại lui về với chiếc ghe nan thả dăng bắt cá trên dòng sông quê nhà. Do đó không tìm thấy những câu chuyện kể, ca dao, tục ngữ liên quan đến biển. Câu sau đây cho thấy người Phong Lệ thời bấy giờ quan hệ với biển chỉ đến mức:

*Sớm mai lên núi củi than,
Chiều về xuống biển đào hang bắt còng.*

Chiều về xuống biển là đúng quy trình thời vụ *chiều đi sáng về* của người dân nghề cá, nhưng ra khơi không xa lắm nên mối liên quan giữa biển với người Phong Lệ vẫn còn ít.



Tùy theo môi trường đất đai mà tổ chức trồng trọt, cư dân vùng trung tâm làng (nay là thôn Phong Nam) chủ yếu quanh năm làm ruộng nước, cày xới, sục bùn, gieo cấy, là công việc thường xuyên của họ. Trước đây người Phong Lệ làm ruộng một năm hai mùa, giống lúa chủ yếu là lúa bát ngọt, lúa Nhe có thân cao, năng

suất không lớn nhưng được cái là hạt gạo rất thơm ngon. Giả gạo trong cối gỗ hoặc cối đá để có loại gạo lúc thơm ngon². Về sau, có các giống lúa ba tháng, các loại lúa ngắn ngày, thân cây thấp, cho năng suất cao, người dân thay dần cây lúa cổ truyền.

Trong nghề làm ruộng liên quan đến cây lúa có các tục lệ đi kèm hằng năm sau khi gặt xong vụ Đông Xuân thế nào mỗi gia đình cũng đều tiến hành cúng xôi (cơm) mới trước khi làng có lễ thượng điền. Để chuẩn bị cho vụ mùa năm mới làng lại có lễ hạ điền, toàn thể người dân trong làng tham gia xem như bốn thôn chức việc toàn dân đặng chung góp lễ vật tổ chức lễ hạ điền cầu mong *vũ thuận phong điều* mùa màng đại lợi. Sau lễ hạ điền, con trâu được chăm sóc béo hơn, dây chạc, cày bừa, cuốc thuổng được sửa sang lại, chuẩn bị bắt tay vào vụ mùa mới.

Người dân các vùng Đà Ly, Đồng Bé, Đồng Lành chủ yếu sinh sống vùng đồi núi, nhập nhò gò như tô úp nên kinh tế của họ gắn liền với rừng núi và sản xuất trên các loại đất thịt, chủ yếu một bộ phận đi củi, đốt than và trồng các loại cây sắn, khoai lang, các loại củ trút, dong, riềng, khoai từ, khoai chói... và một ít ruộng nước. Họ, do gắn liền với điều kiện kinh tế vùng đồi nên hằng năm có tục cúng rừng, cúng vườn, thần núi...

2. Trong việc ăn, uống

Ăn uống là nhu cầu tồn tại của con người. Ăn để sống để cải tạo thiên nhiên, để xây dựng nhà – làng – nước, xây dựng gia đình bền vững. Nhưng ăn phải ăn ngon, sao cho hợp khẩu vị trên cơ sở đất đai sông núi quê nhà, sản phẩm phục vụ cho nhu cầu ăn uống của người dân làng Phong Lệ là sản phẩm làm ra tại quê hương

² Người Phong Lệ cũng dùng gạo lúc ăn với muối mè để chữa một số loại bệnh thông thường.

bản quán, cho nên ngon vẫn phải phù hợp khẩu vị. Xưa kia kinh tế theo phương thức tự túc, tự cấp nên cái ăn trong phạm vi làng kiêu của ta ta dùng, đèn nhà ai nhà ấy sáng, chiêm làng nào làng ấy đánh, rõ ràng ăn uống cũng tùy từng vùng mà có sắc thái riêng³. Trong ăn uống, người dân Phong Lệ trước hết là cơm:

- *Cơm*: đây là thức ăn từng bữa, từng ngày của cư dân văn minh lúa nước, sống bằng nghề nông. Cơm nấu chín từ hạt gạo, không chỉ người dân Phong Lệ mà người Việt ta từ xưa đã có câu, rằng: *Cày đồng đang buổi ban trưa/ Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày/ Ai ơi bưng bát cơm đầy/ Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần*. Theo đó, để thấy rằng có được hột cơm là lộn mấy thứ mồ hôi. Hạt lúa đem xay, giã, dùng, sàng để có hạt gạo, cho vào om, nồi nấu chín thành cơm. Trong một hộ gia đình đôi khi khẩu vị cũng khác nhau, có người thích ăn cơm khô một chút, lại có người muốn ăn cơm nhão hơn. Những người đau ốm lại phải ăn cháo mới được. Tục quy định không thành văn, rằng việc nấu cơm là của người phụ nữ, cơm bị khô, còn sống là người phụ nữ bị chê. Đầu ngày đi làm một công việc trọng đại cho gia đình mà ăn phải cơm khô là ngày đó không đi (có mê tín không mà bao đời nay người Phong Lệ có quan niệm như vậy và không chỉ người Phong Lệ mà người Quảng nói chung cũng thường quan niệm vậy!). Tục còn dặn lòng nhau rằng người đi ra sông Yên,

³ Trong quyển *Xứ đàng Trong năm 1621* của Borris, chép về việc ăn uống của người Đàng Trong dùng nhiều thịt, mời nhiều người đôi khi đến 200 người. Có lẽ Borris quan sát trong những đám cưới hoặc đám ma, hoặc các cuộc chiêu đãi tại dinh trấn Thanh Chiêm mới có nhiều người tập trung đông đến 200. Thực tế vùng quê Hòa Vang và các làng xã thời bấy giờ một làng chừng *Đắc bách nhơn dư* (tức hơn 100 người) như trong gia phả họ Võ làng Đông Phước có chép. Hoặc có thể trong một cuộc lễ hội hoặc tiệc tùng gì đó có huy động đông người, chứ bữa cơm, bữa giỗ của mỗi gia đình người Quảng thời trước khó khăn, nhiều hộ gia đình gạo không đủ ngày giáp hạt, bữa cơm ghé toàn khoai với sắn, một hạt cơm cộng mấy lát khoai ạch có đâu mà dư giả.

sông Cẩm Lệ đánh bắt tôm cá mà ăn cơm khô thì thôi không đi đâu nữa!

Bát nước chè (VVH)

Một ngày ba lần lửa đỏ đối với người Phong Lệ xưa kia là không phải dễ, là mơ ước bao đời, mãi đến những năm gần đây mới trở thành hiện thực. Khi bung trên tay chén cơm không (không ghê), ngoáy nhìn về quá khứ ngọt nhạt đã



năm trăm năm rồi chứ đâu ngăn ngại. Ngày nay người Phong Lệ có cơm ăn ngày ba bữa mà toàn là cơm trắng, gạo thơm, sắn khoai xem như loại được ra ngoài bữa ăn chính của người dân. Rất mừng!

- *Xôi*: xôi nấu từ nếp mà thành, nếp trước kia tại cánh đồng làng Phong Lệ có ba loại: nếp *huong* nếp *mèo* và nếp *Chiêm*. Nếp Mèo hạt lớn, màu sậm, trên thân hạt nếp có nhiều đường kẽ sọc, đuôi hạt nếp có một râu dài chừng 0,5 – 1cm. Hạt nếp Mèo nấu thành xôi vẫn thơm ngon, rất dẻo, nhưng do năng suất thấp, lại có thời gian sinh trưởng nhiều ngày nên phần lớn người dân nơi đây bỏ hẳn từ những năm 1958 – 1960. Bên cạnh nếp mèo là nếp *Huong*, nếp Hương hạt nhỏ, tròn hơn, già sạch vỏ cám, hạt có màu trắng đục, nếp đem nấu chín, tỏa mùi hương rất thơm, vào dịp cúng xôi mới, trong nhà nấu nồi nếp hương, mùi thơm tỏa ra lan tận nhà hàng xóm. Xôi cũng là thức ăn nhưng không thể bữa

được mà chỉ dùng vào những ngày kỵ giỗ, tiệc tùng, hoặc để dành trong bồ, bịch năm ba ang phòng khi đãi khách, hoặc dùng nếp đi tết thầy học, tết thầy thuốc, sui gia... Ngày tết lại dùng nếp gói các loại bánh tết, bánh khô, bánh in... Cây nếp thích hợp ruộng bùn lầy có độ phì trung bình, được thế cây nếp cho năng suất cao. Nếp trồng trong vụ đông – xuân, gặt đập, phơi khô cho vào bồ vào bịch để dành. Cánh đồng Phong Lệ trồng cây nếp ngon nhất là xứ Bàu Sen.

Để có một nồi xôi ngon, không có phụ nữ nào nấu nhão, nấu xôi phải khô mới ngon. Trước hết cho nếp vào nồi vo sơ qua một nước, đoạn cho nước lã vào theo tỉ lệ 1/1, bắt lên bếp đun lửa cho nồi sôi lên. Khi nồi xôi vừa sôi, dùng đũa bép sơ qua một lượt, đoạn dùng cặp hoặc đũa bép nhắc nồi xôi ra khỏi lửa chắt nước thật khô, càng khô xôi càng ngon. Lại đặt lên bếp lửa, liền đó, dùng đũa bép cào than trong bếp ra và dần nồi xôi xuống. (Đôi khi dùng lá chuối đập lên nồi xôi trước khi úp vung lên). Chừng vài hơi thuốc lá, các cô nấu nướng lại xoay vòng nồi xôi sao cho xôi được chín đều. Được thế xôi sẽ khô và thơm ngon.

Xôi có nhiều loại: xôi đậu, xôi đường, xôi giang, xôi nghệ, xôi dứa, xôi gấc...

- *Xôi đậu* thường ghế với đậu đen, đậu xanh lòng, đậu đỏ, đậu phụng... đều được. Nhưng nếu để cúng ông bà, thần thánh, người Phong Lệ trước kia chỉ cúng xôi không ghế. Ngày nay có thể dùng xôi đậu các loại cúng vẫn được nhưng vẫn chuộng xôi ghế đậu xanh lòng. Đậu được cà bẻ thành hai phiến, bỏ vỏ đem ngâm trong nước lã trước khi ghế vào xôi.

- *Xôi đường* là loại xôi phần lớn nấu nếp có ghế đậu đen, đậu xanh lòng. Sau khi nấu nếp chín thành xôi, lại thén đường bát lên, (ngày nay có thêm đường cát trắng) cho xôi vào xới đều đến khi đường tới, xôi khô cứng lại. Để có một khay xôi đường đặc sản,

các bà các chị dùng khay, lót một lớp lá chuối, đoạn cho xôi đường vào nén chặt. Trên mặt xôi rắc một lớp mè đã rang chín làm sạch vỏ, hoặc một lớp đậu phụng giã bẻ tơi, khi sử dụng có mùi thơm dễ chịu. Xôi đường không bới (đơm) vào đĩa mà dùng dao xếp cắt thành từng lát đặt lên đĩa, gọi là đĩa xôi đường.

- *Xôi giang, xôi nghệ* là loại xôi nấu bằng nếp hương sau khi xôi chín, nhắc xuống xới đều, cho phẩm màu ngấm vào xôi để có màu tùy thích. Xưa kia màu thường là màu của nghệ, của trái dâu. Nay có nhiều loại màu thực phẩm, đĩa xôi tươi hơn, màu cũng sống sánh hơn. Xôi giang, xôi nghệ thường sử dụng vào các lễ đầy tháng (đủ tháng) trẻ con, hoặc lễ thôi nôi. Xôi màu không dùng để cúng và cũng không bỏ màu vào xôi trong những bữa ăn bình thường.

Rim xôi đường (VVH)



Cơm ghê (hấp, độn, sáo) là cơm có nấu cùng với gạo là khoai lang tươi hoặc khoai xắt lát phơi khô, sắn tươi hoặc sắn xắt lát ngâm trong nước lã ba ngày đêm vớt lên đem phơi khô.

Ghê, độn vào cơm còn có mùi mít già (lấy hạt ra), hạt mít chín (lột vỏ), các loại khoai khác như môn, khoai tím, khoai từ, khoai nân... cũng được ghê vào cơm. Trước đây cuộc sống người Phong Lệ còn cực khổ nhiều nên việc ghê các loại trái, củ khác vào cơm là chuyện bình thường ngày hai bữa. Một hạt gạo cũng lát sắn khô

là chuyện thường ngày, không phải nhà nào cũng có gạo giấp hạt mà phần lớn phải ăn độn. Chuyện cơm nước khó khăn đến mức người ta gọi nhau qua rào mượn gạo, không phải mượn cả ang mà vài lon nấu ăn trong ngày hoặc chỉ ăn mỗi một bữa rồi ngày mai lại lo liệu cách khác.

Ngày nay làng xóm đã đổi thay, chuyện cơm gạo đã có đủ quanh năm, không phải ăn cơm độn sắn mà ăn cơm không với các loại thức ăn phong phú, nhiều dinh dưỡng.

Thức ăn:

- *Canh*: canh trong bữa cơm thường ngày, bất cứ hộ gia đình nào tại làng Phong Lệ xưa nay đều có. Bởi trước đây – và không chỉ trước đây – ngay cả ngày nay món canh trong bữa cơm là cần thiết. Đất đai nào sinh thực vật ấy. Tại làng Phong Lệ xưa kia do là một làng rất rộng nên thực vật tại đây vừa có giống, loài sinh sống phù hợp với đất núi, đất thịt, lại có giống sinh sống trên loại đất cát pha, đất phù sa do sông Cẩm Lệ và sông Yên bồi tụ. Càng về vùng biển có các loại rau thích hợp với vùng đất cát. Đời sống người nông dân ngày trước, nhìn chung là không có các loại canh ngon nấu bằng thịt heo, thịt bò nhưng các loại canh chua nấu với cá đồng gồm măng chua, các loại rau thơm, rau quế, ớt đều có đủ. Canh, còn có canh trái khổ qua xắt thành lát mỏng, nấu với ít tôm nước ngọt, hoặc cắt thành từng khúc độn thịt heo băm nhỏ cho vào ruột trái khổ qua. Canh nấu với các loại thịt như canh chua nấu với cá tràu; rau cải nấu với thịt bò, thịt heo bí đao, bí rợ (bí đỏ), sắn mòi (sắn dây), đu đủ, rau muống đều nấu thành canh. Trong đó canh rau muống là phổ biến hơn. Rau muống nấu với nhiều loại phụ gia khác như thịt heo, bò, tôm...đều thích hợp. Đôi khi gặp lúc khó khăn người dân chỉ tào dầu phụng cho chín, xắt rau muống thật mịn, tào lên nấu thành canh vẫn ngon miệng. Hén cũng dùng nấu canh gọi là canh hén cũng ngon...Hương vị các

loại canh theo đó mang đặc trưng địa phương. Khẩu vị người Phong Lệ không cầu kỳ ăn uống mà nấu hợp khẩu vị đã là ngon theo phương châm tự cung tự cấp, cây nhà lá vườn nên đơn giản. Canh mồng tơi, rau ngót. Canh nấu với các loại củ có canh củ môn, canh khoai lang, khoai tím, khoai từ...nấu với thịt các loại đều được. Người dân làng Phong Lệ còn có món đặc sản canh hén, hén xào. Canh hén nấu với ra muống bầu sen, thơm ngon, hợp khẩu vị.

Mi Quảng (Internet)



- Cá: cá tại làng Phong Lệ trước kia chủ lực vẫn là cá đồng gồm các loại cá tràu, cá rô, cá lát, cá giếc và đặc sản tại sông Yên là cá mòi. Tục ngữ vùng đất này ghi nhận: *Cá mòi sông Yên*, hợp với

giống cá nước ngọt tại vùng trung du Hòa Phú, Phú Túc để thành tổ hợp thực phẩm cá, đó là *Cá liên Phú Túc*. Cá sông loại này chế biến hoặc làm mắm để dành mùa mưa, ăn với cơm theo cách nào cũng hợp. Làng Phong Lệ trước đây nổi tiếng món *cá tràu um*. Người Phong Lệ um cá tràu cho những lần kỵ giỗ ông bà tiên tổ. Nay, món này đã phổ biến khắp các vùng miền, và đã trở thành món ăn phổ thông truyền thống của cư dân vùng kinh tế lúa nước vùng tây nam huyện Hòa Vang. Các loại cá đồng thường kho rim

mặn với củ gừng, nghệ, ớt có cả lá gừng, nghệ, ăn với cơm thật ngon miệng.

Ngoài cá đồng, cá sông, người dân làng Phong Lệ còn có các loại cá biển, phổ biến hơn cả là các loại cá nhỏ như cá liệt, cá đù, cá phèn, cá cơm mềm, cơm than, một số loại cá nhỏ trộn chung thành mớ, dân gian Phong Lệ gọi là cá vụn. Cá đem kho mặn, chiên, hoặc kho lấy nước chang cơm ăn vẫn ngon miệng. Khi cần các bà nội trợ lại lấy nước cơm chế với cá tạo nên nước cá sền sệt ăn được, lại ngon. Thịnh thoảng vào những ngày kỵ giỗ, chạp lạp mới có các loại cá chim, cá thu, cá ngừ, cá mú. Chim, thu, ngừ, mú là bốn loại cá ngon của biển nhưng vào những ngày Tết, ngày kỵ, ngày chạp lạp mới có, còn ngày thường vẫn thực hiện chế độ kiêng ưóc. Bởi bốn loại cá trên do giá cả đắt đỏ, không mua nổi.

- Cùng với món canh, các loại cá kho còn có các loại thức ăn xào, trộn: rau, đậu đũa,... mướp, bí bầu, măng tre, thông thường các món xào với thịt gà, vịt, hoặc xào trộn không thêm gì nữa. Ngày thường chỉ xào trộn nem muối và đường kho cá vẫn được. Món trộn có trộn măng, mì trộn, mít trộn. Món trộn là món đặc sản vùng quê Quảng Nam, không riêng cho Phong Lệ, tuy nhiên mùi vị, khẩu vị mỗi nơi mỗi khác. Câu ca sau đây cho biết món trộn là một trong những món ngon:

*Lỗi lầm vì cá trích ve,
Vì rau muống luộc, vì mè trộn măng⁴.*

- Các loại thức ăn luộc gồm rau lang, rau muống, đọt bí đỏ, đọt su le, hoa lý, rau dền tím, rau sam luộc chấm mắm cá, mắm mòi, mắm thính cá chuồn kho, mắm thính cá liệt đót... đơn giản, quê mùa vậy, nhưng là món ăn thường xuyên, hằng bữa của người dân Phong Lệ và các vùng lân cận.

⁴ Măng thường là măng thảng tư mới ngon, mềm, dễ trộn.

- Các loại nước chấm có mắm cái chiếm tỉ lệ lớn trong bữa cơm hằng năm, thỉnh thoảng mới có nước mắm Nam Ô và chỉ dùng vào những ngày có việc, tiếp khách, đãi đằng... Mắm thính, có cá chuồn, cá liệt loại vụn nhỏ thính với bột bắp, bỏ hũ để dành ăn thường xuyên trong những tháng mưa lụt.

Món muối có muối rang chiên với dầu phụng thật khô dùng chấm với khoai lang, sắn củ, các loại khoai khác. Muối đậu phụng, muối mè dùng chấm xôi các loại, chấm với cơm, củ, ghế với cơm cũng cầm bữa được. Muối đậu, mè thường sử dụng vào các tháng mưa lụt, đường sá cách trở đò giang không đi chợ được muối mè là thức ăn đơn giản, quê kiềng nhưng thuận lợi tại các làng nông nghiệp nói chung và làng Phong Lệ nói riêng.

Ngày trước cũng như các làng quê nông nghiệp khác của huyện Hòa Vang, kinh tế tụt tụt, tự cấp nên việc đến chợ chỉ khi thật cần và cũng chỉ năm bảy bữa mới đi chợ một lần, chủ yếu của mỗi lần đi chợ là trao đổi sản phẩm nông nghiệp, hàng hóa thời trước chưa trở thành phổ biến kinh doanh buôn bán như ngày nay. Do vậy, làng thuần nông Phong Lệ cũng tự túc bữa cơm hằng ngày trên cơ sở cây nhà lá vườn, quanh năm vẫn thế.

Nay, tình hình đã khác.

- *Rau sống*: gồm những loại rau có thể ăn sống được. Rau sống dùng ăn với cơm hoặc cuốn với bánh tráng thịt heo, cuốn với cá nục, cá cơm đều được và ngon. Rau gồm các loại có tại làng Phong Lệ: rau cải (con), rau muống, rau quế, rau húng, tía tô, rau răm, ngò, hành, gừng, nghệ, lá tỏi, chuối chát, bắp chuối xắt nhỏ, giá đậu xanh... tất cả trộn đều rửa sạch bằng nước lã dùng chấm với mắm cái, mắm nêm, mắm mò... Mắm trộn với ớt, tỏi, hoặc ớt trái xanh, ớt trái chín đều ngon miệng. Đôi khi để khử mùi vị mắm cái, có thể phi dầu phụng chín đổ vào mắm cái, ớt xanh giã dập trộn vào, như vậy chấm rau sống và các loại thức ăn khác

cũng hợp khẩu vị, ngon miệng. Gần đây có loại dưa chuột xắt lát tròn, hoặc dọc để riêng cùng ăn với rau sống.

Gói bánh ú (VVH)



Rau sống Phong Lệ ngày trước được trồng nhiều tại bãi La Hường, đây là bãi bồi nằm phía hữu ngạn sông Cẩm Lệ⁵. Ngay trên bãi là các xứ đất, sát bên dòng sông là xứ Vũng

Bùn, xứ Đồng Trại (xứ Đồng), Ổ Gà, phía tây của bãi La Hường là các khoảng đất gọi là Rộc Lớn, Rộc Thủ Đức, hói nước có Hói Dừa... Trên vùng đất bồi do sông Cẩm Lệ tạo thành này, người dân các xứ đất trồng các loại rau xanh ăn sống, các loại cây lấy trái như bí đao, khổ qua, su le, bầu... Thời Ông Ích Khiêm còn là Tiểu tướng Phong Lệ, bãi La Hường do Tiểu tướng sở hữu, ven theo chân bãi La Hường là lũy tre dày bao bọc, kéo dài lên tận Đồng Trại, giáp với cánh đồng Cẩm Nam. Sau năm 1975, bãi La Hường được Hợp tác xã Nông nghiệp Hòa Thọ cho sản xuất rau xanh các loại, trong đó nhiều nhất là su lơ, rau dền tím, bắp, cải bẹ, cải củ, su hào, có cả thuốc lá cũng được trồng trên bãi⁶.

Bánh tráng cuốn cá nục với rau muống bầu sen lại hợp khẩu vị lại giòn thơm. Rau muống Bầu Sen của Tây An (ngày nay) không ngon bằng rau muống Bầu Da của Bình Thái (ngày nay)

⁵ Nay bãi thuộc phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

⁶ Trong dân gian vùng Hòa Vang, trong đó có Phong Lệ xem thời gian, thời tiết để sản xuất nông nghiệp thường phải sau ngày 23 tháng 10 âm lịch hàng năm mới có thể ra bãi, đến Cồn Thần (xóm Đồng) trồng rau. Trước ngày 23 tháng 10 thường là có lụt. *Ông tha mà bà không tha*, chính là chỉ ngày này.

nhưng vào mùa các nục, đây cũng là thức ăn phổ biến tại các gia đình Phong Lệ.

3. Trong việc uống

- *Nước chè xanh* là loại thức uống chủ lực của người Phong Lệ, nước được nấu sôi đủ chín cho chè có màu vàng mật là ngon nhất. Chè được mua về từ các vùng thuộc Phú Thượng xứ, giáp với Đà Sơn, Khánh Sơn. Chè Phú Thượng là loại chè vùng trung du, vùng đồi, trồng trên đất núi thích hợp với chè nướng rẫy, thường gọi là chè Tùng Sơn. Ngày nay quen gọi chè Hòa Sơn. Chè Hòa Sơn có vị đắng chát, uống ngon, hợp khẩu vị với người huyện Hòa Vang.

Chè xanh được cắt thành gùi rửa sạch, cho vào nồi nấu chín. Nước chín xong dùng gáo dừa múc ra đổ vào bát ô tô, cứ vậy uống từng bát.

Cây chè (Internet)



Ngoài chè xanh còn có lá vôi (gỏi), cây vôi cao hơn cây chè, lá to như lá mít, giòn và cứng, mặt trên lá có màu xanh sẫm. Lá vôi được cắt thành bó, cho vào om đất nấu chín nước có màu cánh gián, uống đắng chát, có khả năng tiêu thực tốt. Thỉnh thoảng trong các hộ gia đình tại Phong Lệ, người dân nấu nước lá vôi uống thay cho nước chè, đặc biệt trong ngày mùng 5

tháng 5 âm lịch, người dân vùng này có tục uống lá vối suốt cả tuần.

- *Nước lã* cũng là loại thức uống có sẵn trong tự nhiên. Ngày trước do khó khăn nhiều mặt, chưa có giếng khơi và cũng chưa có giếng đóng lấy mạnh nước ngầm nên dân các làng nói chung không riêng cho Phong Lệ đều dùng nước lã gánh về từ các ao làng. Nước ao quanh năm trong suốt, có mạch nước thường xuyên nên luôn được tốt, không tù đọng. Hoặc đôi khi lấy nước từ các mạch về uống và sinh hoạt như mạch Cừ Nhung (nay thuộc địa bàn xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang).

- *Rượu các loại*: Trước kia đến Quảng Nam gặp ngay câu hát:

*Đất Quảng Nam chưa mưa đà thấm
Rượu hồng đào chưa nhán đà say
Bạn về nhịn ngủ gác tay
Nơi mô ơn trượng, nghĩa dày bằng ta!*

Rượu dùng trong quan, hôn, tang, tế. Rượu dùng trong các đại lễ. Rượu dùng trong các dịp thăm nhau, học trò đi tết thầy học, thầy thuốc. Trong các lễ khác đều dùng rượu gạo. Rượu là một trong những phức hợp trầu – cau – rượu mà các loại lễ diễn ra trong gia đình đều sử dụng, hoặc trong các đại lễ khác tham gia cùng với xóm, làng, phức hợp này không thể không có. *Cao lễ để thừa* thì lễ ở đây chính là phức hợp *trầu – cau – rượu*. Chính vì vậy trong lễ lạc người Phong Lệ cũng thường nói “hộp trầu chén rượu”, hoặc theo cách nói chữ: *phù – lan – tửu*, như thế rượu cũng có vai trò quan trọng.

Làng Phong Lệ xưa, rượu thường là rượu nếp, rượu gạo được chưng cất đựng vào trong các loại bình, bầu, ống tre, chum, vại, hũ trước khi có chai thủy tinh, bình nhựa để đựng. Chai được

khảm nút bằng điện điển, lá chuối hoặc bằng một đoạn gỗ vót, gọt vừa vặn.

Trong hát hò khoan đối đáp, nói về, trong các dịp lễ hội Mục đồng, Đấu vật rượu tham gia với tư cách là nghi lễ thừa trình, cáo yết.

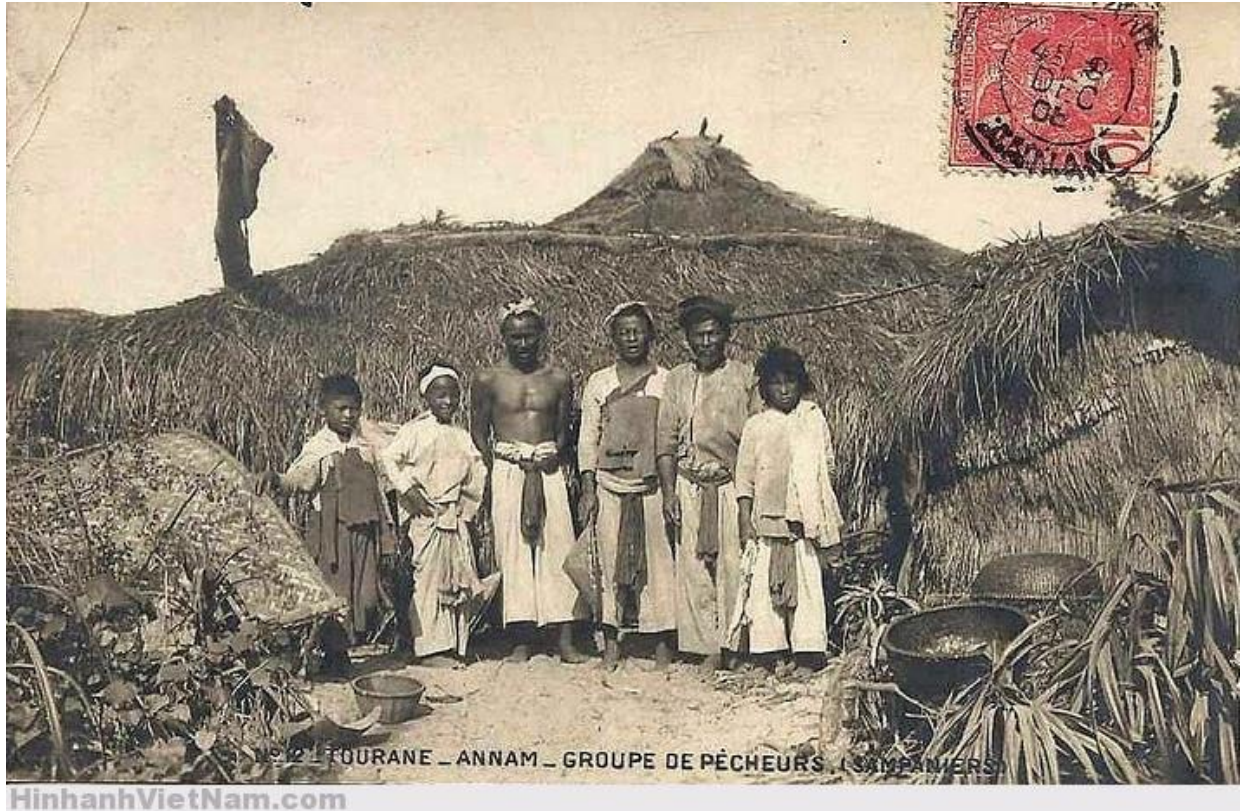
Có thể nói, từ chén rượu đã bắt đầu bao nhiêu chuyện hay, đẹp trong cuộc sống. Vào dịp đầu năm, như người Quảng, người Phong Lệ mời rượu nhau phải là người tâm đắc *theo tục chè tam, rượu tứ*. Trong cuộc sống người Phong Lệ, ly rượu đã đóng vai là “ly rượu giao bôi”, “ly rượu mừng”, “ly rượu lễ”, “ly rượu khai vị”... nói chung là trong *quan, hôn, tang, tế* còn có “ly rượu đầu năm”, trong đó ly rượu đầu năm bao hàm nhiều ý nghĩa tinh thần cao đẹp. Ngày thường, ly rượu được đem ra dùng trong nhà với nhau, có khi chỉ dành cho người già, đó là rượu thuốc, ngâm các bài thuốc chống đau lưng, mỏi mệt, ... Đến với lễ hội đình làng, với hội làng, được người già làng mời một ly rượu là “hãnh diện” lắm, nhất là thanh niên. Xưa, người Phong Lệ cũng có tục lấy lễ đãi khách, được vậy cũng là cách làm cho con người bằng lòng, thỏa mái. Đến ba ngày Tết, ngày hội, người Phong Lệ cũng như người các làng khác trên đất Quảng, mời khách đến nhà chúc Tết cũng là cách khai xuân bằng ly rượu mừng xuân, các cụ bàn nhau về một bài thơ khai bút, những câu tức cảnh mùa xuân vừa cảm hứng nên, hoặc luận về một câu đối Tết.

4. Trong việc mặc

Người làng Phong Lệ trong mua sắm áo quần, phục vụ nhu cầu mặc thường ngày vẫn là các loại đũi, thao là chủ yếu ⁷. Hàng

⁷ Đũi: là loại vải hạng ba, vải dày, sợi lớn, không được đẹp, giá rẻ, phù hợp với thu nhập của người nông dân đương thời.

hoá là lựa tư tằm chỉ những gia đình khá giả trong làng mới có thể mua sắm được. Người nông dân thời kỳ đầu khai phá đất đai còn nghèo khó, nhà cửa chưa kiên cố nên áo quần mặc thường ngày đơn giản, loại rẻ tiền, phần lớn là thao: *Bước chân vô trại xé thao may quần.*



Người dân miền Biển Đà Nẵng (Ảnh tư liệu)

Người đàn ông có hôm ra đồng làm lưng chỉ mỗi cái quần đũi thất lưng bốn múi, còn lưng vẫn để trần⁸, phơi dưới nắng.

⁸ Vài nơi như người dân An Bằng hằng ngày ra đồng vẫn bộ áo quần thao, đũi nhưng khi đến nương rẫy lao động, họ cởi bộ áo quần ra xếp lại cất đặt vào trong bụi lùm nào đó, đến trưa hoặc chiều tối xuống nương, đến suối vệ sinh sạch sẽ mồ hôi lại bận bộ áo quần ấy đi về. Đến nay vẫn còn những câu chuyện về “Xóm ở trường” hóm hỉnh nhưng cho người đời nay biết được thể hệ tiên dân đi trước mở đường không thiếu khó khăn trong cuộc sống đời thường của người nông dân xứ Quảng.

Ngày trước quần may theo kiểu đáy ngang, cả cho phụ nữ và đàn ông. Đàn ông lưng thắt dây bốn múi, màu hồng điều hoặc dây lưng rút gọi là “quần dây lưng rút, áo lồng xô sa”, phụ nữ mặc quần dây lưng màu đen, hoặc màu xanh lá cây, hai múi, thả phía trước. Đôi khi vẫn gặp người phụ nữ chỉ choàng một tấm váy, lưng vẫn để trần, đầu đội nón quai thao, cách điệu đơn giản theo kiểu người đất Quảng. Trên sông Hàn, sông Cổ Cò, tại các bèo đò, Cẩm Lệ, vẫn thường gặp cách che thân nghèo khó vậy! (cóp ảnh cô gái chèo đò trên sông Hàn) Áo thường là áo bà ba cổ kiềng, nhuộm màu nâu, hoặc đen. Vải để may sắm áo quần người trong làng Phong Lệ không tự dệt được, chủ yếu mua từ Mã Châu, Thi Lai, Duy Trinh ra. Bốn mùa, người làng vẫn phong phanh áo vải như thế. Mùa đông lại mặc một lúc hai cái áo chồng lên nhau để chống lạnh, không có loại áo nào khác.

Trong *Ô châu cận lục* của Dương Văn An, năm 1553 cũng mô tả cách mặc của người Quảng nhiều lớp nhiều tầng, có cả quạt Tàu nữa, chứng tỏ sự phong phú về mặc của người Quảng nói chung trong đó, người Phong Lệ cũng vậy. Tuy nhiên đây là những nơi như Thanh Chiêm, hoặc những địa phương có nghề trồng bông dệt lụa như Mã Châu, Thi Lai...là vậy chứ những nơi khác không dễ có áo quần, lụa là nhiều đến vậy, đại đa số dân vẫn còn nghèo.

Những ngày lễ trọng trong làng tại đình miếu, mới mặc chiếc áo dài cổ truyền vẫn bằng chất liệu thảo, đũi là chủ yếu, nhưng vẫn có người phải đi mượn, họ mượn bộ áo quần cổ truyền, cả khăn đóng, đôi guốc để đi dự một lễ nào đó. Trong một đám cưới cũng thường có trường hợp mượn y phục dự lễ. Rất ít người trong làng có lụa Mã Châu để mặc. Chỉ những người có cửa, nhiều lúa mới có vải sang, còn đại bộ phận nhân dân trong làng đều may sắm các loại vải thường, giá rẻ. Trẻ em hoặc giới mục đồng thì lại

nghèo khó hơn, áo quần do nhà chủ cho, nhưng không phải áo quần mới mà anh nào cũng nong một bộ áo quần đã cũ của vị chủ nhà có nhã ý cho. Thế nhưng không một mục đồng nào thời xưa tại làng Phong Lệ mà có được chiếc áo lành lặn, không vá đàng trước cũng vá đàng lưng. Quần cũng tùm trước tùm sau, đôi khi che không hết thân thể lực điền. Trong quyển *Xứ Đàng Trong năm 1621* của Cristophoro Borri cũng chép rằng “*về áo mặc, họ có rất nhiều tơ lụa đến nỗi dân lao động và người nghèo cũng dùng hằng ngày. Vì thế đã hơn một lần tôi rất thích thú thấy đàn ông, đàn bà khuôn vác đá, đất, vôi và những vật liệu tương tự mà không hề cẩn thận giữ cho áo đẹp và quý họ mặc khỏi rách hay bẩn. Điều này không có gì lạ, nếu biết rằng có những cây dâu cao lớn người ta hái lá để nuôi tằm. Những cây này mọc trong những ruộng rộng lớn như cây gai ở bên ta và mọc lên rất chóng. Thế nên chỉ trong một tháng là tằm được đưa ra nuôi ngoài khí trời và đồng thời nhả tơ, làm thành cái kén nhỏ rất nhiều và dư thừa đến nỗi người Đàng Trong đủ dùng riêng cho mình mà còn bán cho Nhật bản và gửi sang nước Lào để rồi đưa sang Tây Tạng. Mặc dầu thứ lụa này không thanh và mịn nhưng bền và chắc hơn lụa Tàu*”⁹. Những nhận xét trên đây của Cristophoro Borri không phải không có cơ sở thực tiễn, tuy nhiên không phải đại bộ phận người dân xứ Đàng Trong được thế. Chỉ riêng làng Phong Lệ, một ngôi làng có mặt từ rất sớm nhưng vẫn thiếu thốn trăm thứ, không cứ gì chỉ là cơm ăn áo mặc. Không phải hầu hết người đất Quảng có đủ vải để mặc như Cristophoro Borri miêu tả trong quyển *Xứ Đàng Trong 1621*¹⁰ mà phần lớn người dân vẫn thiếu mặc, không chỉ thiếu mặc mà còn cả thiếu ăn nữa. Ngày trước – thời kỳ đầu

⁹ Cristophoro Borri, *Tường trình về Khu truyền giáo Đàng Trong 1631*, tr 21. Hồng Nhuệ dịch, giới thiệu.

¹⁰ Xem: Cristophoro Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Hồng Nhuệ dịch, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1998.

khai phá – đầy gian nan, vất vả, đến nỗi đêm xuống *phải leo lên cây mà ngủ, đồng tâm hiệp lực* (vừa để tránh thú dữ nhưng đồng thời còn cho biết nhà cửa lúc bấy giờ chưa kiên cố để an thân). Thế nên có lẽ Cristophoro Borri chỉ quan sát và tường trình những vùng trù phú Thanh Chiêm, Hội An mà thôi vậy.

Mùa mưa dầm, gió lạnh khi ra đồng làm lụng người Phong Lệ lại mặc chiếc áo tơi, hoặc không. Tôi được chăm bằng lá cây đùng đình - một loại lá thường dùng lợp nhà - chỉ để chăm, ngày trước người dân thường dùng sợi mây vót nhỏ, chọn phần cật cho bền chắc, hoặc chỉ đoác, tước nhỏ xe lại làm chỉ chăm, cũng có thể dùng lá cây thom (dứa) ngâm nước cho phần mềm bã ra, dùng cái chén nạo sạch, tước chỉ xe lại để chăm. Cổ chiếc tơi được chăm viền một vòng bằng sợi tre chuốc nhỏ như vành nón. Phía trước có cột thêm một sợi mây níu cổ lại. Dọc theo thân trước của tơi cũng được cột bằng những sợi mây chuốc nhỏ, có chức năng như hàng cúc áo, cột hai vạt lại với nhau tránh cho gió có thể thổi tạt mưa vào người. Tôi có hai loại, loại có chừa hai bên thân, nơi đưa hai tay ra ngoài, tiện cho việc cuốc, cày, gặt, đập... và loại không chừa, nhỏ hơn dùng cho việc chăn trâu, đi ngoài mưa, hoặc gánh, xách vật dụng. Tôi rất tiện vì chống được mưa, che được lạnh khi ra đồng lao động.

Đêm ngủ, mỗi người thường đắp chiếu:

*“Đêm nằm đắp chiếu ngủ co
Ai xui, ai giục trong lòng ra đi...”*

chiếu được mua từ Yên Nê (Hòa Tiến), Bàn Thạch (Duy Xuyên)... về. Có loại chiếu bông và chiếu thường không in hoa. Hoa thường màu đỏ là chủ yếu. Ngoài chiếu, thời trước không có mền như ngày nay nên *“Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm”* cũng là tục ngữ quen thuộc của người dân làng Phong Lệ. Đến thời cận, hiện đại, kinh tế dần phát triển, các loại mền nhập từ nước ngoài vào,

một số nhà giàu có, phú hộ mới sắm được. Nay cuộc sống người dân đã khác, trong đó việc đắp một chiếc mền loại tốt không còn là chuyện xa lạ nữa.

5. Trong việc ở

Đến đầu thế kỷ thứ XX, người Quảng chủ yếu vẫn ở nhà tranh. Vật liệu để dựng lên một căn nhà sử dụng tre là chủ yếu. Nên tre trong đời sống người dân làng Phong Lệ là quan trọng. Không kể vật liệu làm nhà, tre có mặt trong đời sống mỗi người và mang nhiều ý nghĩa khác nhau. Làm nhà bằng tre ngâm ở ruộng lầy chừng 1 năm hoặc hơn cho tre chín. Dem phơi phóng cho khô, dùng tre ngâm tạo nên sườn nhà ở có thể chắc, bền, cự đương với mưa nắng được từ 20 đến 30 năm nếu giữ được khô ráo. Nhà tại làng Phong Lệ thường là nhà đơn giản có 2 vì kèo, 2 khu dĩ tạo thành 2 chái và một gian, lợp tranh. Nhà thấp. Nền cao. Có 4 cây cột cái và 2 hàng cột trống trước, sau mỗi hàng 4 cây chống đỡ. Phía sau chái thêm ra tạo nên hiên sau, phía trước thường không coi nói mà sử dụng từ 2 đến 3 cửa chống bằng tre. Đêm, sụp cửa xuống, trong nhà kín đáo, ấm áp. Ngày chống cửa lên xem như đây là phần hiên nhà. Về sau người làng bỏ cửa chống bằng tre, coi phía trước thành hiên nhà, cửa bấy giờ được làm bằng phen cột neo trên một cây đòn bằng tre, có thể đẩy qua, lại được. Thời nay người dân trong làng bỏ cửa phen tre, dùng loại cửa khép mở. Cửa loại này có đủ kích cỡ và trang trí nhiều cách khác nhau tùy theo nhiều hay ít tiền. Chung quanh nhà che bằng phen tre, trét phân trâu, bò hoặc bằng đất sét che kín gió lò. Để bảo vệ phen che, người dân còn che quanh một lớp tranh săng, hoặc tranh bằng rạ cây nếp phơi khô đánh thành tấm che chắn. Nhà như thế mùa đông rất ấm, mùa hè mát mẻ.

Về sau, thời thuộc Pháp vài gia đình giàu có làm được nhà rường của trở bàn khoa ¹¹, xây xông, lợp ngói âm dương, sang trọng. Nhà truyền giáo người Ý đến Đàng Trong năm 1621, tường trình có nói đến đất đai phì nhiêu, tới rừng vàng có nhiều cây gỗ quý như lim, trầm hương, trong đó Borri nhận xét nhà cửa tại Đàng Trong như sau: *“Nhà cửa và đèn đài mặc dầu chỉ bằng gỗ, nhưng không thua kém bất cứ nước nào, bởi vì không nói quá chút nào, gỗ ở xứ này là gỗ quý nhất hoàn cầu... Trong vô số cây và vô số loại cây ở đây có hai thứ thường được dùng để làm nhà cửa và là thứ không bao giờ hư mặc dầu bị ngâm trong nước hay vùi trong bùn, và rất chắc, rất nặng đến nỗi không bao giờ nổi trên mặt nước và dùng làm neo tàu”*. Các loại gỗ ấy được dùng làm nhà. Nhà như thế ở làng Phong Lệ nay không nhiều, do chiến tranh tàn phá nhất là qua hai cuộc kháng chiến, chỉ còn vài căn nhà trên 100 năm tuổi.

Đến thời Mỹ xâm lược lại thay nhà lợp tranh bằng tôn, phen che bằng ván ngo (gỗ thông), ván ép. Những năm 1965 về sau, người dân trong làng có thể xây được nhà xông, lợp ngói, thay bộ sườn tre bằng bộ sườn gỗ mít, hoặc chò, kiên kiên, huỳnh, thầu đầu chắc và đẹp hơn.

Nay, nhà cửa của dân làng Phong Lệ đã khang trang, đan xen có nhà đúc bằng bê tông cốt thép, kiên cố. Trong nhà bày biện bàn ghế, tủ các loại, đa dạng, từ loại rẻ đến loại đắt tiền. Có loại dùng trang trí cho đẹp...

Cảnh quan làng Phong Lệ đến nay đã có sự thay đổi, các lũy tre làng bắt đầu thưa dần do khai thác tre làm chất liệu giấy nên đôi khi người dân trong làng Phong Nam bán tới ngàn cây tre, đường làng theo đó không còn rợp mát như thời xưa cũ nữa. Và

¹¹ Loại cửa *thượng song, hạ bản*.

do, để phù hợp với đời sống thị dân, làm đẹp khu vườn, tạo điều kiện hưởng thụ mức sống văn hóa do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa mang lại nên mỗi khu vườn của mỗi hộ gia đình, cây kiểng cảnh được trồng trong chậu, chăm sóc, tỉa tót cẩn thận, từ đó các hàng khoai lang, mướp, giàn su le, bầu, bí, hoa lý nhường chỗ cho các loại kiểng cảnh thâm nhập. Cảnh quan làng quê sinh thái ruộng đồng dần mất đi vẻ đẹp quê kiểng một thời. Cồn Thần, nơi được cho là linh thiêng, nơi chỉ có mục đồng được đặt chân đến, nay đã trở thành vùng đất màu mỡ được trồng các loại rau màu, bắp, khoai lang, sắn... phục vụ nhu cầu lương thực của người dân xứ Đồng Cẩm Nam. Công làng được xây dựng bằng bê tông cốt thép với nhiều dáng kiểng khác nhau. Trông vào làng đã có sự thay đổi so với cảnh quan ngày trước.

6. Trong việc đi lại

Ngay từ khi vào Nam khai khẩn đất đai lập nghiệp, người dân làng Phong Lệ đã đi bộ là chủ yếu, đầu quần khăn, chân trần đi đất. Đi làm trên đồng ruộng hay đi học, ăn giỗ vẫn là chân đất. Rất ít người có được đôi dép da trâu buộc dây bằng vải lụa, dây thao, hoặc dây bằng cây đoát xe lại làm quai để mang. Làng Phong Lệ lại nằm trên một vùng đồng bằng trũng, phần lớn đất đai thổ nhưỡng là ruộng lúa nước và đất thổ, một ít đất gò đồi Núi Đất, Đà Ly, Đòng Bé, Núi Dinh Ông nên đi bộ bằng đôi chân không vẫn được. Người Phong Lệ như người Đàng Trong quan niệm rằng cho dù có đi dép thì chân vẫn lấm bùn. Vả, làm lụng ngoài đồng, đôi chân lúc nào cũng đi trên bùn lầy trơn trượt thì dép vẫn không phù hợp với môi trường nên chân không mang gì, dễ lội bùn, cước đất, đi đường bộ trong làng là chủ yếu. Do đó, nhân dân đi bộ, ngoài ra không có phương tiện gì khác. Họ thường đi bộ từ Phong Lệ lên Dương Sơn, qua Yên Nê, An Trạch, xuống

tận Ngũ Hành Sơn, ra đến Hải Vân Quan...hoặc từ Phong Lệ xuống Quá Quê để trao đổi sản phẩm nông nghiệp hoặc quan hệ hôn nhân gia đình và đôi khi đi hát hò khoan đối đáp với nhau để tìm bạn tâm giao. Thế nên:

*Giả đò đi chợ Miếu Bông
Ghé vô thăm bạn chút trưa kéo buồn.*

là chuyện thường diễn ra trong phạm vi làng. Về sau có guốc mộc Xuân Dương (thuộc xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang), đẽo được các loại guốc, trong đó có đôi xà lan, phù hợp với các nho sĩ, phú hộ, quan chức địa phương, còn đại đa số nhân dân lam lũ vẫn chân trần trên đất.

Trong làng, ngoài con đường làng chính như đường hương lộ phân đôi làng nối từ Dương Sơn đến giáp Quan Châu phân chia các xóm trong làng. Làng còn có đường kiệt, đường công hương hình thành nên những con đường mòn cắt dọc ngang trong làng tạo nên mạng giao thông nối các làng lân cận.

Guốc mang dưới chân vẫn là loại tự sắm, tự đẽo bằng gốc tre, bằng gỗ mức, hoặc bằng các loại mo: mo cau, mo nang (tre) nhiều lớp và đặc biệt bền chắc hơn vẫn là da trâu, da bò. Phổ biến vẫn là loại guốc đẽo bằng gỗ mức, gốc tre, dếp da trâu. Đôi khi người trong làng mua từ làng bộ khác về dùng như làng guốc Vân Dương tại Hoà Liên. Guốc mộc Vân Dương có hai loại: guốc xà lan dùng cho đàn ông và một loại dùng cho phụ nữ. Để guốc, thợ đẽo khắt hình chữ M nhằm tạo nên sự ma sát với mặt đất khi mang guốc, bước chân sẽ vững chắc hơn.

Nay, nhiều loại guốc dếp khác nhau từ loại bằng da thuộc bền đẹp, sang trọng, đến loại bằng nhựa rẻ tiền, mau khô khi gặp mưa. Về hình dáng có đủ các loại kiểu dáng được tiếp thị, bày bán từ phố thị đến làng quê, đâu cũng có.

7. Trong học hành, thi cử

Ngày trước trẻ em học trường làng là chủ yếu, cả làng may lắm có một trường do thầy đồ mở lớp dạy chữ thánh hiền cho con em. Thời Ông Ích Khiêm đi học có thầy Ông Đăng Ngạn là thầy Nho của làng Phong Lệ. Tuy thế có đến 95% dân số trong làng mù chữ. Chữ Hán được các cụ đồ ngày xưa truyền dạy cho con cháu trong tộc họ mà không mở trường lớp. Những người mang chữ từ quê hương bản quán vào, theo nền nếp cũ mở trường dạy học cho con em. Về sau trường làng có thầy Thụ (tại Bình Thái), mở lớp dạy chữ Hán cho thanh thiếu niên trong làng. Học hết lớp trong làng, trẻ được đưa sang Bình Thái học thêm chữ Hán với thầy giáo Thụ. Học sinh cả một vùng: Lỗ Gián (Hoà Xuân), Phong Lệ, Bình Thái, Cẩm Lệ (Hoà Thọ), Đông Phước (Hoà Phát), Quá Quê (Khuê Trung), tập trung về học chữ Hán tại nhà giáo Thụ rất đông.

Học trò Đà Nẵng ngày trước (Internet)



Đến khi xứ Quảng phát động phong trào duy tân, bỏ dần nếp sống lạc hậu, xây dựng nếp sống mới, trong đó việc học được coi trọng. Bấy giờ có trường An Phước (Hoà Phong, Hoà Vang), dạy chữ quốc ngữ, một số gia đình giàu có đưa con em lên thọ giáo các thầy hay về chữ nghĩa, gương mẫu về đường đạo đức, hoặc từ Phong Lệ sang Bình Thái học tại trường Bình Thái, rèn luyện chữ quốc ngữ, về sau có trường Bình – Khuê – Cẩm, con em các xã vùng ven: Bình Thái, Khuê Trung, Hòa Cường, Cẩm Lệ, Đông Phước, Phong Lệ, Đà Ly... đưa con em đến học.

Đến những năm 1945 - 1946, hưởng ứng phong trào Bình dân học vụ, tại nhà xích hậu của làng (trong khu Nhà thờ làng) có mở lớp dạy chữ quốc ngữ cho nhân dân. Phong trào đi học bắt đầu từ đây rầm rộ phát triển. Năm 1961, trường Trung học Hoà Vang được thành lập và khai giảng đã thu nạp con em cả vùng rộng lớn đến học, tạo điều kiện phát triển, nâng cao dân trí. Từ đây, trong làng đã có nhiều người đỗ tú tài, cử nhân các ngành khoa học khác nhau.

8. Trong việc vui chơi, ca hát



Cờ tướng (VVH)

Sinh hoạt văn hoá, văn nghệ của làng Phong Lệ từ khi thành lập làng đến nay, số bài bản những câu ca còn lưu giữ trong dân gian rất ít. Công tác điền dã sưu

tầm chép lại được một lượng ca dao dân ca, hò, vè không đủ các thể loại. Duy, có điều trong quá trình sưu tầm ghi chép lại những sinh hoạt văn hoá như lễ hội Mục đồng, những tín ngưỡng dân gian, lễ Rước hén tại Đông Bàu đều bắt gặp nhiều qua chuyện kể tại làng. Có thể đã lâu không được tái hiện lại nên dân trong làng không nhớ, hoặc những người già của làng đã lưu giữ trong ký ức, nay họ đã bước sang tuổi “*thất thập cổ lai hy*” kẻ nhớ người quên, có người trong số các cụ đã ra đi vĩnh viễn, mang theo vốn văn học dân gian truyền thống quý giá theo cùng. Chính đó, mà trong tiến trình đi tìm chân dung sinh hoạt tinh thần của người dân làng Phong Lệ thuở xưa quả là khó khăn, chỉ còn lại Lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ, Lễ Hạ điền, lễ Rước hén là còn nhớ và ghi chép lại tương đối đầy đủ.

Những cuộc hát hò trong xóm, làng những người *thất thập cổ lai hy* hãy còn nhớ không đầy đủ trọn vẹn những câu ca, một số ít vè còn lưu giữ trong ký ức các người già. Hơn thế nữa, thực dân Pháp đã làm mất đi những trai làng, những trung niên lực điền thường tham gia sinh hoạt văn nghệ trong những lần hò hát. Họ là những nghệ nhân có bài và hát trong những đêm trăng ở làng đều là những người chết sớm. Và cùng với thời gian đã làm mất đi nhiều vốn văn nghệ dân gian làng xã Phong Lệ thời trước. Tuy vậy, ta vẫn còn tìm thấy từ thuở lập làng đến nay còn một lượng vốn văn hóa văn nghệ dân gian phong phú. Làng có đội hát, thường hay hát quanh với những làng lân cận. Từ Phong Lệ, xuống Khuê Trung, ra Thanh Khê đến Cẩm Lệ là những nơi thường lui tới. Họ thường xuyên đi hát hò khoan, các cô gái làng Cẩm Lệ phải thốt lên:

*Hót cái l. quăng chũm xuống sông,
Đẻ trai Phong Lệ hét phương rình mò.*

Theo đà phát triển chung của các làng bộ lân cận, Phong Lệ vẫn có những nghệ nhân dân gian không kém thông minh, nhanh trí, dí dỏm. Ngoài những bài, ca khúc diễn xướng từ nơi khác đến, còn có những câu hò, điệu hát đối đáp nhau qua lại trong làng. Họ cũng tách bạch lòng mình như cái chung của người dân xứ Quảng, bộc trực, cương quyết nhưng cũng rất nhẹ nhàng.

Hát bội



Đối với trụ cột làng xóm lúc bấy giờ là tầng lớp phong kiến, người dân ở làng cũng có thái độ dứt khoát. Họ cũng biết thương yêu, nhưng đồng thời cũng biết ghét thái độ đáng phải ghét và chê những cái đáng phải chê. Một số lời lẽ trong bài về công thái độ mê dâm của các ông hương, lý trong làng, hay nhà chủ ăn ở gay gắt với người ở cũng được phản ánh lại trong vè. Điều đó cho thấy thái độ nhạy cảm của dân làng. Hay trong việc bài trừ những hủ

tục lạc hậu, họ cũng nêu lên được những hiện tượng cụ thể, chứng tỏ không bao che cho những hành động mê tín dị đoan này.

Trong tình yêu nam nữ có nhẹ nhàng nhưng đôi khi cũng day dứt, lo lắng. Lời lẽ trong thổ lộ tình yêu có mộc mạc, hết sức giản dị nhưng lại nói lên một chủ ý rất lớn trong thời gian tìm hiểu và tỏ bày tình yêu với nhau:

*Em phân với chàng tại đàng kiệt vắng
Chùn chàng đừa đất bột, tay chàng rút đọt tre¹²
Mấy lời chàng dặn em nghe rành rành
Nguyện cùng nhau hai mái tóc xanh
Yêu nhau cho đặng, tử với sanh nhờ trời.*

Việc trai gái yêu nhau trong thời buổi phong kiến khi tư tưởng “nam nữ thọ thọ bất thân” là hết sức mạnh dạn, họ vượt ra khỏi tứ đức, tam can, ngũ thường là điều chứng tỏ có một sự phản ứng lại quy ước xã hội đương thời:

*Thiếp nguyện với chàng tại ga Liên Chiêu¹³
Chàng nguyện với thiếp tại miếu Hà Khê¹⁴
Không tin cắt tóc mà thề
Trước răng, sau rứa, đừng thề tiếng chi!*

Hay:

*Lạy trời đừng nắng, đừng mưa,
Âm u gió mát thiếp đừa chàng về
Chàng về tới đất Hó Quê¹⁵
Xây lưng trở lại ủ ê gan vàng.*

¹² Đừa: như đũa (đt), dũa. Chỉ động tác đẩy đất bột lại thành nhóm, hoặc khoả cho bằng phẳng. (phương ngữ).

¹³ Ga Liên Chiêu: nay thuộc quận Liên Chiêu, Tp Đà Nẵng.

¹⁴ Hà - Khê: thuộc Xuân Hà - Thanh Khê. Nay thuộc quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng.

¹⁵ Hó Quê: trước là Quá Quê, Hoá Quê. Nay là phường Khuê Trung thuộc quận Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng.

Ở đây, trong quá trình sưu tầm tìm kiếm lại vốn văn học quý này của làng vẫn còn thiếu nhiều thể loại như bài chòi, câu đố... nhất là các câu hát ta thán về cuộc đời giữ trâu, ở đợ không tìm thấy được nhiều. Một mặt, những người xưa kia ở đợ giữ trâu cho nhà giàu, giữ cho nhà có trâu cày thuê, nhà buôn bò, họ đã mất do tuổi cao. Mặt khác do các câu ca của tầng lớp người ở đợ, làm đầy tớ giữ trâu đã không được phổ biến nhiều trong ý thức hệ phong kiến do bị xem khinh nên ít người đọc lại, hoặc nhắc đến. Chính những lý do đó mà các câu ca, bài vè về mục đồng, chăn trâu đã biến mất vào dân gian không còn tìm thấy được. Trong số những câu ca, bài vè biến mất đó, chắc chắn có cả một quá trình lao động sản xuất từ khi lập làng đến nay tìm lại được là rất ít¹⁶. Có thể lâu ngày không ai nhắc lại nên quên, cũng có thể từ những biến động lớn của lịch sử dân tộc trong đó có làng Phong Lệ và các làng bộ lân cận mà việc phản ánh vốn văn học này bị lãng quên, thất lạc. Đa số gặp ở làng là vè, hát đối đáp, chủ đề tập trung phản ánh tình yêu, hôn nhân, gia đình, chống phong kiến và chống quân xâm lược, chống các thế lực ngoại lai, chống lại lối sống xa xỉ. Riêng đối với tầng lớp phong kiến địa chủ, chống Pháp, chống Nhật, văn học dân gian vẫn là lợi khí sắc bén động viên tinh thần kháng chiến của nhân dân làng Phong Lệ, góp phần mình cùng với cả nước trong nhiệm vụ chống giặc ngoại xâm. Ví dụ:

*Cho tui ở mướn tính ra từng đồng
Cái om bằng cái trứng công
Vừa một năm thóc bở ông chủ nhà
Cái tách bằng cái hột gà
Hết một năm mằm bở bà chủ ơi!*

¹⁶ Nhưng nếu lấy thời gian lập làng Phong Lệ như trong các gia phả tộc họ có ghi thì vốn văn học dân gian phải kể là phân bố trên một vùng rộng: phía đông giáp Ngũ Hành Sơn tới biển; phía tây giáp Hòa Phú; phía nam giáp thâu Trà Kiệu; phía bắc giáp núi Hải Vân, theo đó vốn văn hóa văn nghệ dân gian của làng rất phong phú.

Bằng ngôn ngữ mộc mạc, dân gian đặc trưng của làng Phong Lệ, họ không theo hoa mỹ trong cách diễn đạt, mà bộc lộ trực tiếp nỗi bất bình của mình đối với nhà chủ mà không sợ bị tấn công vào bản thân và gia đình. Qua đó, ta thấy ở họ phản ánh:

*Sớm mai ngủ dậy cái mặt chùng bùng
Cậu mắng, mợ chửi anh hùng gớm ghê,
Còn ba bữa nữa tui về!*

Hơn thế, đối với tầng lớp phong kiến đang trên đà suy vi này, cũng bằng cách nói bộc trực, chất phát của mình qua thể thơ lục bát, họ tỏ rõ thái độ phê phán trực tiếp những ông hương, ông lý, ông cử... gái trai, bê tha, chề chén:

*Quán này là quán tới thường
Lần chừn bước tới tỏ tình thủy chung
Chuyến này ông muốn làm hung
Ôm lưng bà quán, bả vùng bả la
-Ông đừng hiện kiếp yêu ma
Gối chùng răng rụng, tui già rồi bỏ ông
Bảy mươi tui lại goá chồng
Còn thêm duyên lợt, má hồng tui phai.*

Cùng với người dân các làng bộ khác, làng Phong Lệ lại cũng không thoát ra được một cỗ hai tròng, xiềng xích cột chặt tâm thân khổ cực quanh năm. Họ cực khổ từ ngày đầu “Tây lại cửa Hàn”. Thằng Tây cậy thế chiếm đất lập vườn, lập đồn điền Caravel tại núi Đất Phong Lệ:

*Từ ngày Tây lại cửa Hàn
Lệnh trên đại Pháp dọn đàng đi chơi
...Thằng Tây ý thế làm ngang.*

Vẫn cứ phải lo toan, không chỉ cho mình mà còn cho làng xóm, bà con và cho bản thân mình nữa:

*Từ ngày giặc đánh nước ta
...Kẻ thời bỏ chạy Tuý Loan
Cha con, chồng vợ ngồi đàng chắc chiu
Sợ e ba bốn giờ chiều
Dứt cầu Phong Lệ dắt dìu nhau đi.*

Hát bả trạo



Từ năm 1858, Pháp đánh vào Đà Nẵng, đất nước đã bắt đầu khởi động cuộc chiến tranh chống lại kẻ thù, từ đó người Phong Lệ dưới sự chỉ huy của Ông Ích Khiêm đứng lên đánh giặc cứu nước. Người dân làng Phong Lệ không thể ngồi yên được. Họ đi chiến đấu với khí thế chung của người dân đất Quảng và của cả

dân tộc khi: “*Cửa nhà tan nát, giàu nghèo cũng ra tro*” đã thôi thúc tinh thần họ.

Chín năm kháng chiến, quân Pháp đã xây lên hai lô cốt 56 tại núi đất làng Phong Lệ và 48 tại phía bắc cầu Cẩm Lệ gom dân các làng trong vùng lại để kiểm soát, khống chế. Nhưng họ:

*Cuộc phản công ta sắp đến ngày
Khuyên anh em binh sĩ phải dày mưu cơ
Ra tay đánh địch trả cừu
Tám mươi năm đô hộ còn mưu hại mình
Quyết là chiến đấu hy sinh
Vệ quốc quân đi trước, anh em mình đi sau.*

Trải qua những đau thương dồn dập đến với làng, thực dân Pháp đánh thuế lên thân người, “*một năm ba đồng sáu giắc*” rồi cướp đất lập đồn, rồi Nhật đến... Nhưng không phải vì vậy mà người dân của làng bỏ bê công việc ruộng đồng, họ vẫn cấy cày trên những thửa ruộng màu mỡ, những bãi bồi phù sa sông Cẩm Lệ: bãi La Hường, La Hong, Vũng Bùn, Rộc Lớn, Thủ Đức, xứ Đồng... và ước ao sao cho *vũ thuận phong điều*, nhân dân được mùa, no đủ:

Lúa ba trắng trở trước, mận chùm trở sau.

Sản xuất là công việc thường ngày không tách rời cuộc sống, người dân nơi đây vừa chống trả lại thiên nhiên khắc nghiệt như lụt, bão lại còn chống trả lại kẻ thù vươn lên xây dựng cuộc sống đẹp hơn. Đâu phải thiên nhiên lúc nào cũng hiền hoà, ưu ái mà bão tố hạn hán xảy ra liên tiếp hàng năm. Thế mà vẫn:

*Bằng lăng ai này được khoa chặt nhà
Gánh về xúm xít xắt ra
Chó ăn không hết, gà tha không rày
Trên sông dưới biển đã đầy*

Năm thì thì đôi (chớ) năm này thì no.

Trong lao động sản xuất, trong đấu tranh chống kẻ thù, đấu tranh cải tạo thiên nhiên, tinh thần lạc quan tin tưởng ở ngày mai thắng lợi vẫn là tư tưởng chủ yếu của người dân làng Phong Lệ. Chính đó mà trên những đường cày tại cồn Thần, rẫy ngô Đá Trắng, các thửa ruộng Bầu Sen, luống khoai Vườn Lãng... giọng hát hò cứ vang lên, vang mãi. Ở đâu cũng gặp dân làng hát với nhau, nhất là về đêm khi người trong làng giúp nhau bứt đậu phụng, khâu thuốc, xắt sắn... họ hát bằng nhân nghĩa, bằng đối đáp, bằng hò khoan, thật thà mà sâu sắc, chí tình, giản dị như con người mà lời thơ luôn làm người nghe phải hài lòng. Trong lao động cải tạo thiên nhiên, tạo ra cho dân làng sự trung thực, lời nói chân chất, mộc mạc, nhưng đó là nỗi lòng, mỗi số phận không cất giấu được vào đâu. Các nghệ nhân dân gian cũng bắt được nhanh nhẹn nội dung hát đối đáp, thể hiện tư tưởng sâu sắc, sinh động. Trong đó nổi lên là ca ngợi tình người, nhân nghĩa là cốt yếu.

Trong các loại hát hò, giống với hát hò của người dân đất Quảng, ta cũng gặp ở đây loại đối đáp “trống mái”, các nghệ nhân đi hát nhân ngãi với làng bên cạnh, hay có khi làng bên đến hát tại làng Phong Lệ trong dịp lễ hội Mọc đồng hoặc hội Đấu vật tại Giáng Đông.

Chưa thấy ở đâu mạnh dạn như ở đây, qua những lần hát hò, ta thấy có cái gì độc đáo trong ngôn ngữ, trong thơ mà nhất là trong ứng xử, có khi thật thà mộc mạc, có khi cũng vụng về thô thiển, khi họ hát táo bạo không ngại:

*Hót cái l. quăng chũm xuống sông
Đẻ trai Phong Lệ hét phương rình mò.*

Việc tìm hiểu con người làng Phong Lệ qua văn học dân gian từ khi làng mới thành lập đến nay có nhiều thời kỳ thất lạc, không

tìm lai chép lại được. Hiện nay tồn tại trên địa bàn làng Phong Lệ nhiều điệu lý, hò, vè. Trong một chừng mức nào đó, chính những khúc dân ca, những câu ca dao đã nói lên được tấm lòng con người làng Phong Lệ. Từ công ăn cho đến việc làm đều thể hiện rõ bản chất con người, có vui, buồn, thương, ghét... thường lặp đi lặp lại. Nổi lên ở đây là tinh thần đấu tranh chống thiên nhiên, chống giặc ngoại xâm.

Nay đến làng Phong Lệ, ít ai nghĩ rằng từ khi thành lập làng, nơi đây là một làng rộng lớn được, bởi trải qua hơn năm thế kỷ, người dân trong làng đã theo quá trình phát triển, chia làng thành nhiều làng nhỏ hơn. Từ sự chia cắt đó đã hình thành dần nền nếp, tạo thành tục lệ cho các làng mới do đó sắc thái sinh hoạt của người dân Phong Lệ nói chung dần phai nhạt trong các làng mới chia tách. Đến Phong Lệ có thể phân biệt được phương ngữ địa phương, mặc dầu, cạnh Phong Lệ là các làng Đông Phước (xã Hòa Phát, nay là phường Hòa Phát), Bình Thái (xã Hòa Thọ, nay là phường Hòa Thọ Đông, phường Hòa Thọ Tây), Yên Nê (xã Hòa Tiến), Tân Hạnh (xã Hòa Phước), Lỗ Giáng (xã Hòa Xuân nay là phường Hòa Xuân), Cẩm Lệ (địa danh đã biến đổi), đều dễ nhận ra cách phát âm: *tau, vậy, sao* của người Phong Lệ. Âm *tao* = *tô*; *vậy* = *dậy*; *sao* = *sô*... Nếu như người dân các làng chung quanh Phong Lệ phát âm: *Anh mần (làm) reng (răng) rứa ?* thì người Phong Lệ phát âm: *Anh mần (làm) sô (sao) dậy (vậy) ?* Theo đó người làng khác phát hiện ra người Phong Lệ, không lẫn vào đâu được.